

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-01-2019
V/v “ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Chuông

2. Ông Bùi Quốc Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Bấy – Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Phố P, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương; có mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn A, sinh năm 1973

Địa chỉ: Phố P, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn là chị Phùng Thị H trình bày:

Chị H và anh Hoàng Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 8/1996, tuy nhiên cho đến nay anh chị chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau vì thế quan điểm trong cuộc sống chung

cũng như trong làm ăn kinh tế thường xuyên xảy ra va chạm cãi cọ nhau nhiều lần, không tìm tiếng nói chung trong mọi vấn đề dẫn đến cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng. Do vậy vợ chồng đã tự ý sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2008 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh A nữa nên chị có nguyện vọng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xử không công nhận chị và anh A là vợ chồng.

Về con chung: Chị H và anh A có 02 con chung: Cháu Hoàng Thị Hà B, sinh ngày 28/6/1997 và cháu Hoàng Văn Đại D, sinh ngày 14/02/2005. Nay chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D kể từ tháng 02/2019 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu anh A cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với cháu Hà B đã đủ tuổi trưởng thành nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Phùng Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, anh Hoàng Văn A không có mặt tại phiên tòa anh A đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn đề nghị cũng như quan điểm trình bày trong quá trình giải quyết vụ án thấy:

Tháng 8/1996, anh và chị Phùng Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu của hai bên, tuy nhiên anh chị không đăng ký kết hôn mà chỉ được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới. Trong quá trình vợ chồng chung sống thì có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Do mâu thuẫn càng trở nên căng thẳng nên anh chị đã tự ý ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay bản thân anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa án xử không công nhận anh và chị H là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung: Cháu Hoàng Thị Hà B, sinh ngày 28/6/1997 và cháu Hoàng Văn Đại D, sinh ngày 14/02/2005. Nay anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu D kể từ tháng 02/2019 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với cháu Hà B đã đủ tuổi trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về điều kiện thụ lý; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật, đảm bảo về thời hạn giải quyết vụ án, đã tiến hành các thủ tục hòa giải theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự

quy định. Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9,14,15, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Phùng Thị H và anh Hoàng Văn A là vợ chồng; Về con chung: Giao con chung Hoàng Văn Đại D, sinh ngày 14/02/2005 cho chị Phùng Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 02/2019 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh A cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với cháu Hà B đã đủ tuổi trưởng thành, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh A, chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn Hoàng Văn A đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại phố P, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương, đối chiếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị H có nội dung yêu cầu ly hôn nên có quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị H và anh Hoàng Văn A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị H, anh A và biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn K cung cấp chị H và anh A chung sống với nhau từ tháng 8/1996, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới tuy nhiên cho đến nay anh chị chưa đăng ký kết hôn. Do đó khẳng định: chị Phùng Thị H và anh Hoàng Văn A chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình. Theo hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình: "... 4. Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các

bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình".

Bên cạnh đó, chị H và anh A đều xác định trong cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong mọi vấn đề dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã tự ý ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay xét thấy thời gian anh chị ly thân đã lâu, chị H và anh A cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ. Nhận thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh A không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H đề nghị Tòa án xử không công nhận chị và anh A là vợ chồng, là có căn cứ.

[4]. Về con chung: Chị H và anh A có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Hà B, sinh ngày 28/6/1997 và cháu Hoàng Văn Đại D, sinh ngày 14/02/2005. Nay giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh A, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh A đồng ý. Xét thấy việc giao nuôi dưỡng con chung phải căn cứ vào các điều kiện vật chất, tinh thần cũng như quyền lợi mọi mặt của con chung. Theo như lời khai của cháu D thì cháu có nguyện vọng được ở cùng chị H. Do vậy việc giao cháu Hoàng Văn Đại D, sinh ngày 14/02/2005 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Đối với cháu Hoàng Thị Hà B, sinh ngày 28/6/1997 đã đủ tuổi trưởng thành, chị H, anh A đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H, anh A đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Phùng Thị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phùng Thị H và anh Hoàng Văn A.

Về con chung: Giao con chung cháu Hoàng Văn Đại D, sinh ngày 14/02/2005 cho chị Phùng Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 02/2019 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với cháu Hoàng Thị Hà B sinh ngày 28/6/1997 đã đủ tuổi

trưởng thành, chị H, anh A đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H, anh A đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Phùng Thị H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2017/0001922 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Hoàng Văn A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND TT K, huyện K;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn;
- Chi cục THA dân sự huyện Kinh Môn;
- Lưu: hồ sơ, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thụy